TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/KDTM-ST
Ngày: 26-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Công Hạ,

Ông Đồng Xuân Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2019/TLST-KDTM ngày 04/9/2019 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2019/QĐXX-KDTM ngày 30/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2019/QĐST-KDTM ngày 14/11/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q; địa chỉ Trụ sở chính: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2 Tòa nhà S, số 111A Pasteur, phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị Thanh N; địa chỉ: Số 199 Bạch Đằng, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng (Văn bản uỷ quyền số 69152.19 ngày 05/7/2019); có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đinh Ngọc G và chị Đinh Thị H; cùng địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/7/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (sau đây viết tắt là Ngân hàng) đều trình bày:

Giữa Ngân hàng với anh Đinh Ngọc G và chị Đinh Thị H có quan hệ tín dụng. Tại Hợp đồng tín dụng số 052/HĐTD1-VIB060/13 ngày 05/02/2013 (Sau đây viết

tắt là Hợp đồng tín dụng) số tiền Ngân hàng đã giải ngân cho anh G chị H vay là 300.000.000 đồng để bổ sung vốn kinh doanh hải sản, thời hạn và lãi suất vay theo thỏa thuận. Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất diện tích 261m^2 và các tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 432, tờ bản đồ số 04 thôn Lạch Sẽ, xã Lập Lễ, huyện Thuỷ Nguyên, đứng tên chủ sử dụng là hộ ông Đinh Ngọc G, được Uỷ ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 851614 ngày 08/01/2002, số vào sổ cấp giấy 135QSDĐ/HP-TN-LL (sau đây viết tắt là Thửa đất số 432); được công chứng tại Văn phòng công chứng An Phát thành phố Hải Phòng ngày 19/01/2012 số công chứng 0370, Quyển số 01 được đăng kí giao dịch bảo đảm đúng quy định pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ngày 01/4/2014 bên vay đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và để nợ quá hạn, mặc dù đã nhiều lần Ngân hàng yêu cầu trả nhưng vẫn không thực hiện được. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả nợ Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 26/11/2019 là 633.341.487 đồng, trong đó nợ gốc là 300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 13.949.862 đồng, nợ lãi quá hạn là 319.391.625 đồng; yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là Thửa đất số 432 trong trường hợp bên vay không trả được nợ.

Trong Văn bản ngày 19/9/2019, chị H đồng ý với những yêu cầu của Ngân hàng là đúng. Việc vợ chồng không trả được nợ vay đúng hạn là do kinh tế gia đình gặp khó khăn, đề nghị Ngân hàng cho trả một lần toàn bộ nợ gốc, miễn toàn bộ tiễn lãi cho vợ chồng chị.

Bà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ tương đối đầy đủ quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật; do bị đơn không có đăng kí kinh doanh nên phải xác định đây là quan hệ dân sự, Tòa án thụ lý về tranh chấp kinh doanh thương mại là chưa đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); các điều 122, 323, 343, 351, 355, 471, 474, 715 và 721 của Bộ luật Dân sự (BLDS) năm 2005; các điều 117, 298, 299, 323, 463, 466, 500 và 502 của BLDS năm 2015; Điều 130 của Luật đất đai năm 2003 (LĐĐ); Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng (LCTCTD); khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả nợ Ngân hàng số tiền theo Hợp đồng tín dụng số 052/HĐTD1-VIB060/13 ngày 05/02/2013 (gồm nợ gốc, nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn. Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì phát mại tài sản thế chấp là Thửa đất số 432 để nguyên đơn thu hồi nợ; bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Anh G chị H đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh G chị H.

[2] Về xác định quan hệ tranh chấp: Bị đơn không có đăng kí kinh doanh nhưng vay tiền với mục đích bổ sung vốn kinh doanh hải sản, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao xác định đây là tranh chấp về Hợp đồng tín dụng phát sinh trong hoạt động kinh doanh được quy định tại Điều 30 của BLDS.

[3] Về yêu cầu đòi nợ của nguyên đơn: Sự thừa nhận của nguyên đơn và bị đơn về quan hệ tín dụng, về bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán và về toàn bộ số nợ gốc, lãi còn lại thuộc trường hợp không phải chứng minh; căn cứ vào Điều 92 của BLTTDS Tòa án công nhận đó là sự thật. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ chấp nhận theo các điều 122, 471 và 474 của BLDS năm 2005, các điều 117, 463 và 466 của BLDS năm 2015.

[4] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng: Sự thừa nhận của nguyên đơn và bị đơn về thế chấp tài sản thuộc trường hợp không phải chứng minh; căn cứ vào Điều 92 của BLTTDS Tòa án công nhận đó là sự thật. Yêu cầu của Ngân hàng về phát mại tài sản thế chấp là Thửa đất số 432 trong trường hợp bên vay không trả được nợ là có căn cứ chấp nhận theo các điều 323, 343, 355, 715 và 721 của BLDS năm 2005; các điều 298, 299, 500 và 502 của BLDS năm 2015; Điều 130 của LĐĐ; Luật đất đai năm 2013; các điều 91 và 95 của LCTCTD.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm với mức thu là 29.334.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 92, 97, 147 và khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 122, 323, 343, 355, 471, 474, 715 và 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các điều 117, 298, 299, 463, 466, 500 và 502 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 130 của Luật đất đai năm 2003; Luật đất đai năm 2013; các điều 91 và 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Đinh Ngọc G và chị Đinh Thị H phải trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q theo Hợp đồng tín dụng số 052/HĐTD1-VIB060/13 ngày 05/02/2013 đến ngày 26/11/2019 tổng số tiền là 633.341.487 đồng; trong đó nợ gốc là 300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 13.949.862 đồng, nợ lãi quá hạn là 319.391.625 đồng.

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày 27 tháng 11 năm 2019 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy

định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp anh Đinh Ngọc G và chị Đinh Thị H không trả được nợ, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q có quyền yêu cầu phát mại tài sản đã thế chấp sau đây để thu hồi nợ: Quyền sử dụng đất diện tích 261m^2 và các tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 432, tờ bản đồ số 04 thôn Lạch Sẽ, xã Lập Lễ, huyện Thuỷ Nguyên, đứng tên chủ sử dụng là hộ ông Đinh Ngọc G, được Uỷ ban nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 851614 ngày 08/01/2002, số vào sổ cấp giấy 135QSDĐ/HP-TN-LL.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Anh Đinh Ngọc G và chị Đinh Thị H phải nộp 29.334.000 đồng án phí. Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q số tiền 14.200.000 đồng tại biên lai số 0002971 ngày 04/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS h. Thuỷ Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Dũng